SAO Y; Bộ Khoa học và Công nghệ; 03/11/2026; 15:31:31; +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2026/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 6 và Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại khoản 1 Điều này là tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập theo thời kỳ ổn định (05 năm). Mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ ổn định tiếp theo được xác định theo kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 49, Điều 53 và Phụ lục số III Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung và quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Việc lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nhiệm vụ được cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập giao, gắn với kết quả đầu ra, mức độ tự chủ tài chính, khả năng huy động nguồn thu hợp pháp; không trùng lặp với kinh phí đã được bố trí từ chương trình, nhiệm vụ hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác; tăng hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không lãng phí và chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Không sử dụng nguồn chi sự nghiệp cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để lập dự toán cho các nội dung quy định tại điểm k khoản 7 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

4. Trên cơ sở các nguyên tắc lập dự toán quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, việc lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được căn cứ vào các nội dung sau:

a) Quyết định thành lập, quy định về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, biên chế, số lượng người làm việc được hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tổ chức khoa học và công nghệ công lập do cấp có thẩm quyền quy định; khối lượng, nội dung hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dự kiến được cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập giao theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP;

b) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành; định mức kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, tiêu chuẩn do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành. Trường hợp các nội dung chi chưa có định mức thì cần thuyết minh chi tiết căn cứ lập dự toán và báo giá của các đơn vị cung cấp (nếu có);

c) Phương án tự chủ về tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tình hình thực hiện kế hoạch năm hiện hành và kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định;

d) Khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp thẩm quyền giao theo quy định.

5. Trường hợp có biến động lớn dẫn đến làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính theo phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ tài chính cho

thời gian còn lại của thời kỳ ổn định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN CHO TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Điều 4. Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm:

a) Lập dự toán chi lương và các khoản đóng góp có tính chất lương;

b) Lập dự toán chi hoạt động bộ máy;

c) Lập dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở;

d) Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

2. Khi xây dựng phương án tự chủ tài chính, căn cứ nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định nhu cầu kinh phí thực hiện và tổng hợp trong kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo phương án tự chủ tài chính, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán, theo quy định về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập tại Thông tư này, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước và xác định nguồn kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm, tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gửi cơ quan chủ quản xem xét, tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Lập dự toán chi lương và các khoản đóng góp có tính chất lương

1. Dự toán chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập căn cứ vào:

a) Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP;

b) Chế độ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương do Nhà nước quy định.

2. Mức lập dự toán cụ thể bao gồm:

a) Chi tiền lương: Tính theo mức lương cơ sở, hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật;

b) Chi các khoản đóng góp theo lương theo quy định của pháp luật;

c) Chi tiền thưởng (nếu có) và các khoản chi khác có tính chất lương theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Lập dự toán chi hoạt động bộ máy

1. Dự toán chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lập trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP và định mức chi hoạt động thường xuyên do cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4) quy định tại tiểu điểm a4 điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư này và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư này, định mức hỗ trợ chi hoạt động bộ máy quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo định mức phân bổ chi thường xuyên do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Dự toán chi hoạt động bộ máy không bao gồm các khoản chi được bố trí trong dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại Điều 7 Thông tư này hoặc nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 7. Lập dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở

Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định và lập như sau:

1. Tổng số kinh phí ngân sách nhà nước bố trí trong năm ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở chuyển tiếp.

2. Việc lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực; kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức do cấp có thẩm quyền quy định; năng lực nhân lực, cơ sở vật chất, lĩnh vực hoạt động và trong phạm vi dự toán được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Không trùng lặp với khối lượng, nội dung hoạt động dự kiến, dự kiến kinh phí cần thiết để thực hiện và kết quả đạt được dự kiến của các nhiệm vụ quy định tại Điều 6 và Điều 8 Thông tư này;

c) Việc xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở và các mẫu biểu liên quan áp dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản có liên quan;

d) Cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập chịu trách nhiệm rà soát, cho ý kiến về số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới do tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất để bảo đảm khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước và năng lực thực hiện của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

đ) Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được xác định theo quy định tại tiểu điểm a3 điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

Kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới được điều chỉnh bổ sung (nếu có) tương ứng khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát do cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định. Việc điều chỉnh bổ sung nêu trên được tính theo số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở mở mới phù hợp tương ứng;

e) Dự toán kinh phí nhiệm vụ cơ sở mở mới bằng số lượng nhiệm vụ mở mới dự kiến quy định tại điểm d khoản này nhân với kinh phí trung bình theo năm quy định tại điểm đ khoản này;

g) Đối với từng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở, định mức chi ngân sách nhà nước áp dụng để lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước cho chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 8. Lập dự toán chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

1. Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định như sau:

a) Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập là các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, quản lý, hỗ trợ, bao gồm cả đăng ký, bảo hộ, khai thác, quản lý quyền sở hữu trí tuệ và nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhằm bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập không trùng lặp với các khoản chi quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

2. Căn cứ và cách thức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tính chất thường xuyên của hoạt động, khối lượng công việc, kết quả đầu ra và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, trình cơ quan chủ quản phê duyệt, giao nhiệm vụ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Việc xây dựng dự toán của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, tiêu chuẩn do Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực ban hành và các quy định hiện hành. Trường hợp các nội dung chi cho nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng quy định tại khoản 2 Điều này chưa có định mức thì tổ chức khoa

học và công nghệ công lập thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng dự toán kinh phí theo nội dung của nhiệm vụ;

c) Cơ quan chủ quản căn cứ vào yêu cầu thực tiễn và khả năng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước để xem xét, phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ và dự kiến kinh phí cho các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của từng tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan mình, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Một số nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được tham khảo theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Việc xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được căn cứ theo mức tự chủ về tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 2 Điều này và kinh phí bổ sung (nếu có) của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Việc phân loại mức tự chủ về tài chính và xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

a) Phân loại mức tự chủ về tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập áp dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

a1) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi là đơn vị nhóm 1);

a2) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 2);

a3) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 3);

a4) Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị nhóm 4).

b) Xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên áp dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như sau:

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức như sau:

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (\%)} = \frac{A}{B} \times 100\%$$

Trong đó:

b1) A là tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025, trong đó bao gồm: thu từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và thu từ dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP.

b2) B là tổng các khoản chi xác định mức tự chủ tài chính được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025, trong đó chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Thông tư này.

3. Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định như sau:

a) Bằng chênh lệch giữa tổng các khoản chi xác định mức tự chủ tài chính cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, tối đa không vượt mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và trong phạm vi dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trong năm của cơ quan chủ quản;

b) Phần kinh phí bổ sung căn cứ theo kết quả đánh giá của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định và lập dự toán quy định tại Điều 10 Thông tư này;

c) Ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại Điều 7 Thông tư này đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) hoặc là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1) theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

d) Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xác định mức độ tự bảo đảm chi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ tài chính trong thời kỳ ổn định (05 năm) theo phương án tự chủ tài chính lập theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, được hợp nhất theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 10. Xác định và lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phần kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Cách thức xác định và lập dự toán kinh phí bổ sung thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 265/2025/NĐ-CP căn cứ theo kết quả đánh giá hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 53 và Phụ lục III Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Căn cứ quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Thay thế cụm từ "*Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*" bằng cụm từ "*Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*" tại khoản 1 Điều 44 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Báo cáo phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập của năm...
Mẫu số 03	Quyết định giao quyền tự chủ về tài chính cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Mẫu số 01. Báo cáo phương án tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ...** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN.....

(Dùng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Quyết định số.... của cơ quan chủ quản quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị;

Căn cứ Quyết định số... của cơ quan chủ quản giao chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước (nếu có);

Căn cứ Quyết định số... của cơ quan chủ quản phê duyệt khối lượng, nội dung hoạt động dự kiến và dự trù kinh phí dự kiến của năm..., chi tiết từng hoạt động dự kiến.

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước

(áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được giao quyền tự chủ tài chính, trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập mới thành lập thì không phải đánh giá).

1. Về chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động; tổ chức bộ máy; số lượng viên chức và lao động. Trong đó nêu rõ nhiệm vụ theo lĩnh vực hoạt động; tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao; số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

2. Về nhiệm vụ được giao, kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng công việc hoàn thành, chất lượng và kết quả các công việc đã hoàn thành: Chi tiết từng công việc.

Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điều 49, Điều 53 và Phụ lục số III của Nghị định số 262/2025/NĐ-CP.

3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước.

- Về nguồn thu hoạt động sự nghiệp; nguồn thu phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí : nêu cụ thể; thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác (nếu có).

4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ.

- Thu, chi hoạt động sự nghiệp; phí được để lại tổ chức khoa học và công nghệ công lập để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí: Số thu; số chi; chênh lệch thu, chi.

- Kinh phí NSNN cấp:

+ Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên tự chủ: Dự toán giao; số thực hiện; số kinh phí tiết kiệm được.

+ Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ).

5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên (nêu nguyên tắc phân phối đảm bảo phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị), trong đó:

a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;

d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ);

đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Quy chế hoạt động nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

6. Thu nhập tăng thêm của người lao động (nêu nguyên tắc).

7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

Phần thứ hai

Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo

I. Khái quát chung về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo (báo cáo về sự thay đổi so với giai đoạn trước)

II. Xác định phương án tự chủ tài chính:

1. Khái quát về nguồn tài chính và chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

a) Về nguồn thu: Trong đó nêu chi tiết các khoản thu sự nghiệp theo quy định.

b) Về chi thường xuyên: Trong đó chi tiết các nội dung chi theo quy định.

2. Về phân phối kết quả tài chính của các năm trước liền kề và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định.

3. Xác định số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập:

Căn cứ vào nguồn tài chính, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của giai đoạn trước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN.

(Biểu mẫu báo cáo số liệu kèm theo)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu báo cáo số liệu kèm theo Mẫu số 01

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Dùng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án tự chủ tài chính, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
I	**Nguồn thu xác định mức độ tự chủ (A)**							
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước							
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng, tài trợ theo quy định							
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, các hoạt động dịch vụ, hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết (chỉ tính phần chênh lệch							

[1] Đối với các đơn vị mới thành lập hoặc sáp nhập dưới 05 năm, số liệu báo cáo tính từ thời điểm chính thức đi vào hoạt động theo mô hình mới

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước và trích nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định)							
3.1	Từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo							
3.2	Từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo							
3.3	Từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật							
3.4	Từ cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật							
4	Nguồn thu từ phí được để							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí							
5	Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có)							
II	**Chi thường xuyên giao tự chủ (B)**							
1	Chi thường xuyên phần kinh phí cố định của tổ chức khoa học và công nghệ công lập							
a	Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo tiền lương và tiền thưởng do Nhà nước quy định							
b	Chi hoạt động bộ máy							
c	Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
d	Chi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng							
2	Chi từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đặt hàng, tài trợ theo quy định							
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp							
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí							
5	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)							
6	Chi trả lãi tiền vay							
7	Chi thường xuyên khác (nếu có)							
III	**Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%) = A/B*100%**	%	%	%	%	%	%	%
IV	**Ngân sách nhà nước hỗ**							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	trợ chi thường xuyên[2] (C+D)							
1	Nguồn NSNN hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên phần kinh phí cố định theo phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (**C=B-A**)							
	Trong đó: hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2) hoặc là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi							

[2] Mục III Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và theo điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN.

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	đầu tư (nhóm 1) theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước							
2	Nguồn NSNN cấp kinh phí bổ sung của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (**D**)							
V	**Phân phối kết quả tài chính trong năm**							
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp							
	- Từ chênh lệch thu chi thường xuyên							
	- Từ trích khấu hao tài sản cố định							
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập							
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi							
4	Trích lập quỹ Phát triển							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	khoa học và công nghệ							
5	Trích lập quỹ khác (nếu có)							
VI	***Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị***							
1	Dưới 01 lần quỹ tiền lương							
2	Từ 1 lần đến 2 lần quỹ tiền lương							
3	Từ trên 2 lần đến 3 lần quỹ tiền lương							
4	Từ trên 3 lần quỹ tiền lương							
4.1	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của đơn vị (triệu đồng/tháng)							
4.2	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của đơn vị (triệu đồng/tháng)							
VII	**Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường**							

TT	Nội dung	Tình hình tài chính 05 năm trước liền kề[1]						Dự kiến giai đoạn tiếp theo (Năm.....)
		Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Thực hiện năm.....	Năm....		
						Dự toán	Ước thực hiện	
	xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung nhiệm vụ)							

Mẫu số 02. Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập của năm...

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **ĐƠN VỊ...** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: /QĐ-....	*....., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện (tên nhiệm vụ…)

.....

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ các căn cứ pháp lý, văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương (tên nhiệm vụ ....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

2. Sự cần thiết, lý do thực hiện.

3. Tên nhiệm vụ; mục tiêu, nội dung; dự kiến khối lượng công việc thực hiện; kết quả dự kiến.

4. Dự kiến chi phí (giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức kinh phí thực hiện):…. triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách nhà nước: .... triệu đồng.

- Nguồn khác (nếu có): .... triệu đồng.

5. Thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Ghi chú: *Trong trường hợp nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 01 năm thì cần xác định dự toán kinh phí thực hiện trong từng năm.*

6. Các nội dung khác (nếu có).

(Trường hợp Quyết định phê duyệt chủ trương đối với nhiều đơn vị thực hiện cần thể hiện đầy đủ các nội dung nêu trên đối với từng đơn vị).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Mẫu số 03. Quyết định giao quyền tự chủ về tài chính cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

---

TÊN CƠ QUAN --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:.....	*....., ngày tháng năm*

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH CHO ĐƠN VỊ.....

BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC PHÂN CẤP QUẢN LÝ...

Căn cứ Nghị định (Quyết định) số..... ngày.... của..... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của...

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung về lập dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ vào ý kiến của (Cơ quan Tài chính.....) tại văn bản số..... ngày / / về phân loại đơn vị sự nghiệp...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ về tài chính cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập...

Điều 2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phân loại là đơn vị.... Mức tự bảo đảm chi thường xuyên..... %. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định... của đơn vị là... triệu đồng.

Điều 3. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ bảo đảm và duy trì hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định nêu trên; Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu VT,...

PHỤ LỤC II

MỘT SỐ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THAM KHẢO CHO XÂY DỰNG NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP[1]

(Kèm theo Thông tư số 55 /2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

A. MỘT SỐ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THAM KHẢO CHO XÂY DỰNG NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THUỘC CÁC BỘ, NGÀNH

1. Xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở: xây dựng kế hoạch nhiệm vụ dài hạn, trung hạn và hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; quản lý theo dõi định kỳ; quản lý hoạt động nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ, quản lý nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (đăng ký đề xuất nhiệm vụ, thẩm định nội dung kinh phí thực hiện, quản lý, theo dõi, đánh giá nghiệm thu, lưu trữ, công bố); xây dựng cơ sở dữ liệu về các kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức.

2. Khảo sát, điều tra, phân tích, đánh giá cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ quản lý nhà nước, phục vụ xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự báo định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật chuyên ngành.

3. Xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa và quản lý cơ sở dữ liệu về các đối tượng nghiên cứu, phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thực tiễn; thu thập, duy trì phần mềm, cơ sở dữ liệu, mô hình nghiên cứu, mô hình thực nghiệm, địa bàn nghiên cứu dài hạn; xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tư vấn chính sách, tài liệu kỹ thuật; truyền thông, phổ biến kết

---

[1] Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ phần nhiệm vụ không có nguồn thu hoặc nguồn thu không đủ bù đắp; không trùng lặp với nhiệm vụ quy định tại Điều 5, 6 và 7 Thông tư số 55/2026/TT-BKHCN

quả nghiên cứu; kết nối đối tác, chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ cộng đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Phân tích, đánh giá cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ hoạt động tư vấn, triển khai dịch vụ công, giám định, kiểm định, khảo nghiệm, hiệu chuẩn, quan trắc, dự báo, đánh giá tác động, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý chất lượng theo lĩnh vực chuyên ngành.

5. Thông tin, truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá khoa học; hội nghị, hội thảo khoa học; duy trì hoạt động thư viện, trang thông tin điện tử; xuất bản và mua sắm sách, báo, tạp chí, tài liệu kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học chuyên ngành; thông tin liên lạc; đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế, hợp tác trong nước với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Quản lý, vận hành, sử dụng trang thiết bị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: quản lý, duy tu, bảo dưỡng, thay thế vật tư, phụ tùng, kiểm định, vận hành các trang thiết bị kỹ thuật, hệ thống thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm.

8. Khảo sát, thu thập và phân tích nhu cầu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất và phát triển sản phẩm mới của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

9. Tư vấn, đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo phù hợp với từng đối tượng, bao gồm: công nghệ, mô hình tổ chức - sản xuất - kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và phương thức huy động nguồn lực.

10. Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, kết nối chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ, viện, trường, doanh nghiệp và các bên liên quan trong và ngoài nước phục vụ đổi mới sáng tạo.

11. Triển khai các hoạt động hỗ trợ ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và chuyển đổi số.

12. Phát triển và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, bao gồm: Trình diễn công nghệ, thử nghiệm - đánh giá công nghệ, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn - tư vấn kỹ thuật, cung cấp hạ tầng và thiết bị phục vụ nghiên cứu - phát triển - đổi mới sản phẩm.

13. Tổ chức hoạt động ươm tạo công nghệ và ươm tạo khởi nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển và tiếp cận thị trường.

14. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong việc bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn định giá quyền sở hữu trí tuệ và tiếp cận các cơ chế tài chính dựa trên quyền sở hữu trí tuệ.

15. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

16. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

17. Tư vấn, đề xuất các giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với từng đối tượng, bao gồm pháp lý, công nghệ, mô hình kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ, kết nối đầu tư và gọi vốn.

18. Tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, ngày hội, hoạt động kết nối, quảng bá, trình diễn, giới thiệu công nghệ, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo với nhà đầu tư, chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ, viện, trường, doanh nghiệp và các bên liên quan trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Xây dựng, phát triển mạng lưới các chủ thể khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước, thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo các cấp.

19. Triển khai các hoạt động ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: Hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm; thử nghiệm thị trường; tìm hiểu, phát triển thị trường trong nước, nước ngoài; hỗ trợ tổ chức hỗ trợ, doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo tham gia sự kiện, cuộc thi trong nước và quốc tế.

20. Phát triển và cung cấp dịch vụ, hạ tầng, giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: Cung cấp không gian làm việc chung, tư vấn pháp lý - tài chính, đào tạo - huấn luyện kỹ năng, cung cấp hạ tầng và thiết bị phục vụ nghiên cứu - phát triển sản phẩm, thử nghiệm thị trường; cung cấp giải pháp hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên nền tảng số, chuyển đổi số.

21. Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong việc bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn định giá quyền sở hữu trí tuệ và tiếp cận các cơ chế tài chính dựa trên quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ thực hiện dịch vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ tiếp cận các chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của nhà nước.

22. Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu, nền tảng, hệ thống thông tin phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; thường niên xây dựng báo cáo về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

B. MỘT SỐ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THAM KHẢO CHO XÂY DỰNG NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THUỘC ĐỊA PHƯƠNG

I. PHỤC VỤ CÔNG TÁC ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ. Xây dựng chương trình, kế hoạch nhiệm vụ dài hạn, hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tổ chức theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo định kỳ về hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

2. Tổng hợp, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá về tiềm năng, thế mạnh, các sản phẩm chủ lực, trọng điểm. Dự báo hằng năm về định hướng ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường.

3. Thu thập, tổng hợp tài liệu về cơ sở khoa học, kiến thức về công nghệ mới trong và ngoài nước để đánh giá khả năng áp dụng vào thực tiễn. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức sưu tầm, lưu giữ, bảo tồn, phục tráng, cải tạo, phát triển giống, nguồn gen theo chức năng, nhiệm vụ được giao phục vụ hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, bảo tồn và phát triển sản phẩm đặc thù của địa phương.

5. Tổng hợp, đánh giá các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có khả năng ứng dụng phù hợp vào địa phương, xây dựng phương án triển khai nhằm ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

6. Cập nhật các sản phẩm mới, tổng hợp, lựa chọn và tổ chức xây dựng, phổ biến, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật hiệu quả cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

7. Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và tổ chức thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật cho các sản phẩm mới phù hợp với địa phương. Hỗ trợ xây dựng, áp dụng, công bố tiêu chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở hoặc tài liệu kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật để phục vụ sản xuất và đời sống.

8. Quản lý, duy tu, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa, khai thác, vận hành, sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật, hệ thống thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thử

nghiệm. Tổ chức mua sắm, bảo đảm nguyên, vật liệu, hóa chất phục vụ phân tích, kiểm nghiệm, thử nghiệm. Duy trì hiệu lực, hiệu quả của các hệ thống quản lý chất lượng.

9. Triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, công nghệ mới trong việc đánh giá, dự báo, phát hiện sớm, phòng chống dịch bệnh, ô nhiễm môi trường theo phạm vi chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

10. Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về nhu cầu hợp tác, ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ làm cơ sở triển khai các giải pháp hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ.

11. Xây dựng, vận hành, khai thác, duy trì điểm kết nối cung-cầu công nghệ, phòng trưng bày các sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sản phẩm đặc thù của địa phương.

12. Thực hiện hoạt động liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, công nghệ mới bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

13. Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ được giao và cung cấp các tài liệu, cơ sở dữ liệu công nghệ để phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ.

14. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, kiến thức, thông tin ứng dụng, chuyển giao công nghệ, các sự kiện, hội thảo, hội nghị để trao đổi, thảo luận và lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

15. Tổ chức tham quan, học tập, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, thành công trong, ngoài tỉnh và nước ngoài.

16. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng các kiến thức về hoạt động ứng

dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhân rộng các kết quả nghiên cứu và dự án sản xuất thử nghiệm cho tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

II. PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, quy hoạch, kế hoạch hoạt động về thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau khi được các cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Tổ chức thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức thu thập, xử lý, cập nhật và tích hợp thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ. Thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (đang tiến hành, kết quả thực hiện và kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo) và các thông tin khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

4. Cung cấp thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các chương trình, đề án quan trọng của địa phương, phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5. Xuất bản và cung cấp các ấn phẩm thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Khai thác, cung cấp các nguồn tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài để tra cứu thông tin phục vụ cho công tác xác định, tuyển chọn, thực hiện và đánh giá cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các chương trình, đề án quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

7. Phổ biến thông tin khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến với mọi đối tượng. Cung cấp thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8. Tổ chức và phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương. Bổ sung (mua) sách, báo, tài liệu, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tham gia Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ.

9. Triển khai và kết nối hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học và công nghệ. Quản lý cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

10. Xây dựng và cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định; tổ chức và phát triển công tác thư viện, thư viện điện tử, thư viện số, hệ thống thông tin khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techdemo, Techfest, các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trực tuyến, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Thu thập, cung cấp thông tin công nghệ, các sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ, thông tin kết quả nghiên cứu ứng dụng, các tiến bộ kỹ thuật, thông tin về các chuyên gia tư vấn khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định.

13. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định. Tổng kết, phân tích và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về các cuộc điều tra thống kê khoa học và công nghệ. Phổ biến, công bố kết quả thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

14. Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo về lĩnh vực thông tin và thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

15. Tổ chức tham quan, học tập, hợp tác chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình hoạt động thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

16. Xây dựng kế hoạch và quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở theo thẩm quyền và quy định của pháp luật: Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ dài hạn (3-5 năm), hằng năm. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Theo dõi triển khai kế hoạch, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất. Quản lý hoạt động nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ (đăng ký đề xuất nhiệm vụ, thẩm định nội dung kinh phí thực hiện, quản lý theo dõi, đánh giá,…). Xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức…

III. PHỤC VỤ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1. Xây dựng và thực hiện các chương trình, quy hoạch, kế hoạch hoạt động sự nghiệp về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và năng suất sau khi được các cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thiết lập, duy trì, bảo quản và khai thác các chuẩn đo lường của địa phương. Thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đo lường và thiết bị đo lường chuẩn, thí nghiệm vật liệu, dụng cụ, thiết bị điện trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận, chỉ định.

3. Thực hiện hoạt động xây dựng tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường, phát triển mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường theo quy định.

4. Thực hiện hoạt động thử nghiệm, giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.

5. Thực hiện hoạt động tư vấn, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước.

6. Thực hiện tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (như ISO 9000, ISO 14000, ISO 17025, ISO 22000, ...) và các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng (như TPM, LEAN, KPI, BSC, 5S, KAIZEN, ...) cho các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

7. Thực hiện các hoạt động trợ giúp việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường.

8. Thực hiện các hoạt động phối hợp, hỗ trợ kỹ thuật với các cơ quan liên

quan kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông, hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu, mã số mã vạch theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các hoạt động trợ giúp các đơn vị, tổ chức tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, ứng dụng công nghệ mã số mã vạch.

10. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

11. Tổ chức các lớp đào tạo, tư vấn nghiệp vụ, chuyên môn, kỹ thuật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, TBT và năng suất.

12. Thực hiện áp dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất.

13. Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, quảng bá về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, mã số mã vạch, năng suất và chất lượng.

14. Tổ chức tham quan, học tập, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất và chất lượng.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế, công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

16. Thực hiện các hoạt động kỹ thuật khác, về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và năng suất phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

17. Xây dựng kế hoạch và quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở theo thẩm quyền và quy định của pháp luật: Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ dài hạn (3-5 năm), hằng năm. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Theo dõi triển khai kế hoạch, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất. Quản lý hoạt động nghiên cứu triển khai, chuyển giao công nghệ (đăng ký đề xuất nhiệm vụ, thẩm định nội dung kinh phí thực hiện, quản lý theo dõi, đánh giá nghiệm thu,…). Xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức.

IV. PHỤC VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch nhiệm vụ 05 năm, hằng năm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được ban hành, phê duyệt. Xây dựng và chủ trì hoặc phối hợp tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, các chương trình, kế hoạch về đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức, tham gia, hỗ trợ triển khai thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động đổi mới sáng tạo với các sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh công nghệ mới theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức hoạt động để thực hiện thúc đẩy, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Huy động các nguồn lực đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển, nâng cao năng lực các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn viên khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo và các chủ thể khác của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

4. Thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật.

5. Tư vấn việc hình thành, kết nối tổ chức, cá nhân, mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

6. Điều tra, khảo sát nhu cầu hỗ trợ nâng cao năng lực của tổ chức, cá nhân về đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

7. Thúc đẩy hoạt động liên kết giữa tổ chức, doanh nghiệp về hoạt động đổi mới sáng tạo và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Xây dựng, phát triển mạng lưới đối tác đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

8. Tổ chức hội nghị, hội thảo, xúc tiến đầu tư. Triển khai các chương trình hợp tác thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

9. Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. Phối hợp thực hiện hoạt động đào tạo cho các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

10. Thu thập, tổng hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, đề xuất, thực hiện các giải pháp phục vụ xây dựng, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo. Thực hiện hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.